TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-PT
Ngày 08-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng gia công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-KDTM ngày 27/9/2018 về tranh chấp hợp đồng gia công.

Do bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018.

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyên H, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi Văn M - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần đúc luyện kim V; địa chỉ: Tổ dân phố số 10, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đoàn Văn C - Giám đốc Công ty cổ phần đúc luyện kim V.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty cổ phần đúc luyện kim V.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định kháng nghị số 01/QĐKN/VKS-DS ngày 30-8-2018 đối với bản án sơ thẩm kinh doanh thương

mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông C có mặt. Vắng mặt ông M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/10/2017 Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T (sau đây viết tắt là Công ty T) ký hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/HP với Công ty cổ phần đúc luyện kim V (sau đây viết tắt là Công ty V), nội dung tóm tắt là Công ty V (bên B) nhận đúc chân vịt theo bản thiết kế được duyệt với nội dung và kích thước như sau: Lắp máy Minsu công suất 822CV. Loại thiết kế: Sao duyệt thiết kế số TKT719. Năm sao duyệt 2015. Số lượng hai chiếc giá cả 60.000.000đ/2chiếc. Thời gian giao hàng 12 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, đã ứng trước 18.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Bùi Văn M trình bày:

Ngày 30/10/2017 Công ty T nhận hàng và thanh toán xong chân vịt thứ nhất là 30.000.000đ về lắp vào tàu chạy tốt. Ông sang đặt cọc chiếc chân vịt thứ hai là 15.000.000đ. Vào khoảng 21 giờ ngày 21/11/2017, ông sang để chở chân vịt thứ 2 phát hiện hơi khác với chân vịt trước. Ông báo ông C và được giải thích là kỹ thuật mới, nếu không chạy được sẽ chịu tất cả phí tổn nên ông thanh toán chân vịt thứ hai là 15.000.000đ, tổng là 30.000.000đ. Ngày 24 và 26 tháng 11 năm 2017 lắp chân vịt vào tàu nhưng chân vịt không chạy được. Ông điện báo cho ông C nhưng ông C vẫn khẳng định chân vịt chạy tốt, cứ lắp chạy thử nếu không được sẽ chịu trách nhiệm về chi phí. Ông cho thợ lắp chân vịt, hạ thủy tàu và nổ máy cho chạy thử thì chân vịt quay chậm phụt khói đen không tải được. Ông gọi điện cho ông C đến kiểm tra, nhưng ông C đề nghị tháo chân vịt chuyển lại để chỉnh sửa. Ngày 28/11/2017, ông thuê thợ tời lên đà và tháo chân vịt chuyển sang nhà ông C. Ông C viết một giấy xác nhận vào ngày 01/12/2017 hẹn khoảng 4 ngày là xong. Tuy nhiên, qua 4 ngày ông gọi điện nhưng ông C không nghe máy, sang nhà thấy chân vịt chưa sửa, ông C lánh mặt. Ông nghỉ lại một đêm sau đó mới gặp ông C. Ông và ông C bàn bạc về việc không sửa chân vịt. Ông C cho biết sai kỹ thuật không sửa lại được, phải đúc mới và thời gian là 1 tháng. Ông phân tích sửa hay đúc mới là trách nhiệm của ông C, nhưng ông C bỏ đi. Ông về và gọi điện nhiều lần cho ông C nhưng không nghe máy, ông và Phó giám đốc công ty sang tận nhà bàn về việc đúc và làm gia công chân vịt thứ 2 không đúng như bản thiết kế được duyệt, tự gia công cánh sai thông số kỹ thuật, nên máy không tải được, không có đường vào và thoát ra. Khi bàn việc khắc phục hậu quả thì ông C thách thức, nếu làm mới thì đặt tiền, nếu sửa thì không sửa được còn không thì ông đi mà kiện. Do không có chân vịt lắp đặt vào tàu cá, nên tàu cá Thiên Thanh 02 không hoạt động được trong vòng một tháng, gây thiệt hại cho Công ty. Ông đề nghị buộc Công ty V phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty T số tiền đặt mua chân vịt thứ hai là 30.000.000đ; bồi thường các chi phí thiệt hại bao gồm: tiền thuê tời đến hạ thủy là 31.000.000đ, tiền thuê xe chở chân vịt là

600.000đ, tiền trả lương cho công nhân trong một tháng là 110.000.000đ (bao gồm trả lương công nhân 30 ngày không lao động là 10 người x 10.000.000đ/người = 100.000.000đ, tiền lương trách nhiệm cho thuyền trưởng 30 ngày không lao động là 10.000.000đ); Tổng 171.600.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2018, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đúc luyện kim V là ông Đoàn Văn C trình bày:

Năm 2017, Công ty T và Công ty V ký hợp đồng tại gia đình ông. Ông nhận làm hai chân vịt cho Công ty T với giá là 30.000.000đ/chiếc. Ông nhận đặt cọc của ông M là 18.000.000đ. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là trên cơ sở cá nhân giữa ông và ông M, không có dấu của công ty. Trong quá trình thực hiện, ông thấy bản vẽ ông M đưa có một vài điểm sai, ông gọi điện cho ông M, hai bên đã xuống tàu để đo thực tế chân vịt, đồng thời thống nhất lùi thời gian giao nhận hàng vì thi công không kịp. Sau khi, đúc xong chân vịt thứ nhất, ông M nhận và đặt cọc chân vịt thứ hai là 15.000.000đ. Sau đó, ông M điện cho ông thay đổi một số kích thước về số đo so với chiếc chân vịt thứ nhất, nhưng hai bên chỉ điện thoại cho nhau mà không lập biên bản, ông đã thi công theo yêu cầu của ông M và bàn giao chân vịt thứ 2. Sau một thời gian ông M điện nói chiếc chân vịt thứ hai không chạy được. Vì tình cảm ông nói với ông M là do cánh to nặng tải không chạy được và nói ông cắt giúp phần cánh. Tuy nhiên, khi mang đến xưởng thì ông M bắt phải sửa theo yêu cầu của ông M, ông đã trao đổi là việc giao nhận nghiệm thu đã xong, ông không còn trách nhiệm nữa nhưng vì tình cảm đôi bên có thể thương lượng với nhau, ông M không đồng ý. Ông không hứa việc sửa chữa và giao chân vịt thứ hai trong thời hạn 4 ngày. Ông có nhận chiếc chân vịt thứ hai và ghi phản ánh khách hàng theo như tờ phản ánh ông M xuất trình cho Tòa án. Hiện nay, chiếc chân vịt thứ hai ở nhà ông. Nay ông M khởi kiện ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án 01/2018/KDTM-ST ngày 21-8-2018 của Tòa án huyện Nam Trực đã quyết định. Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 227 BLTTDS; Điều 398, Điều 401, Điều 419, Điều 429 BLDS năm 2015; Điều 14, Điều 39, Điều 40 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T đối với bị đơn Công ty cổ phần đúc luyện kim V về "Hợp đồng mua bán hàng hóa". Buộc Công ty V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T 96.600.000đ. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN/VKS-DS ngày 30-8-2018 của Viện kiểm sát huyện Nam Trực, kháng nghị bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án huyện Nam Trực với nội dung:

Theo hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/HP ngày 4-10-2017 thì Công ty V nhận đúc 2 chân vịt cho Công ty T. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là không phù hợp.

Hợp đồng kinh tế không thể hiện bên A (Công ty T), bên B (Công ty V) hay bên thứ ba kiểm tra chất lượng, nghiệm thu sản phẩm. Khi chân vịt được hoàn thành, bên A nhận sản phẩm và tự lắp chân vịt vào tàu cá không có sự chứng kiến, kiểm định của bên B hoặc bên thứ ba. Do vậy, không có cơ sở xác định bên B vi phạm hợp đồng về chất lượng sản phẩm và phải chịu hậu quả về chất lượng chân vịt thứ 2, nhưng cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại do sản phẩm không đúng chất lượng gồm chi phí lên đà tàu cá Thiên Thanh là 31.000.000đ; chi phí vận chuyển chân vịt là 600.000đ là không phù hợp Điều 300 Luật thương mại.

Văn bản lập ngày 01-12-2017 bên A phản ánh chân vịt thứ 2 không hoạt động được đã chuyển lại cho bên B vào ngày 28-11-2017. Tại văn bản này, ông C đồng ý với ông M chân vịt thứ 2 khác chân vịt thứ nhất và sẽ sửa chữa như chân vịt thứ nhất. Tuy nhiên, không thỏa thuận thời gian sửa chữa, bàn giao nhưng cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại, do không giao chân vịt thứ 2 đúng thời hạn, với số tiền trả công lao động trong thời gian tàu cá Thiên Thanh 2 không hoạt động là 35.000.000đ là không phù hợp với Điều 300 Luật thương mại. Mặt khác, tại hợp đồng lao động của bên A với các thuyền viên không có điều khoản nào quy định, các lao động này là lao động trên tàu cá Thiên Thanh 2, không đưa ra được các hóa đơn chứng từ chi trả lương cho các thuyền viên, trong thời gian này. Cấp sơ thẩm buộc bên B phải chịu khoản tiền chi phí trả nhân công, do không lao động trong thời gian tàu cá Thiên Thanh 2 không hoạt động là 35.000.000đ là không có căn cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng phân tích trên.

Ngày 04-9-2018 Công ty V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau đây: Tòa án huyện Nam Trực tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ án là sai thẩm quyền vì trong hợp đồng hai bên lựa chọn Trọng tài là nơi giải quyết tranh chấp. Cấp sơ thẩm tuyên Công ty V phải bồi thường thiệt hại cho Công ty T số tiền 96.600.000đ là không đúng vì bị đơn không có lỗi trong trường hợp này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa Công ty T và Công ty V thuộc loại án kinh doanh thương mại là đúng. Hai bên ký hợp đồng số 02/HĐKT/HP ngày 04-10-2017 theo đó Công ty V nhận đúc chân vịt tàu thủy cho Công ty T, căn cứ Điều 542, 543 BLDS năm 2015 và Điều 178, 179 Luật thương mại thì hợp đồng hai bên ký kết được xác định là hợp đồng gia công, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án cấp huyện, do đó Tòa án huyện Nam Trực thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về nội dung: Ngày 21-11-2017 ông M nhận chân vịt thứ hai và thanh toán hết cho ông C. Như vậy, ông M công nhận chân vịt thứ hai đúc theo đúng yêu cầu, khi lắp vào tàu xảy ra sự cố tàu

không chạy được. Ngày 28-11-2017 Công ty T thuê xe chở chân vịt thứ hai đến Công ty V nhận sửa chữa hộ là ngoài hợp đồng. Việc thay đổi thiết kế chân vịt thứ 2 theo ông C do ông M điện cho ông C nhưng không lập thành văn bản, nên không có cơ sở buộc ông C phải bồi thường. Chân vịt thứ 2 ông C nhận sửa chữa nhưng đến nay chưa trả cho ông M, nên buộc ông C phải trả lại cho ông M. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Nam Trực và chấp nhận một phần kháng cáo của ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng gia công. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty T tổng số tiền là 66.600.000đ gồm chi trả lương cho 10 công nhân bị nghỉ việc trong 30 ngày tàu không khai thác là 30.000.000đ; tiền trách nhiệm thuyền trưởng là 5.000.000đ; tiền lên đà là 31.000.000đ, tiền công vận chuyển chân vịt là 600.000đ. Công ty V trả lại cho Công ty T chiếc chân vịt thứ 2 đã nhận ngày 21-11-2017. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Công ty cổ phần đúc luyện kim V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định thấy:

[1] Ông M là người đại diện theo pháp luật của Công ty T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại cấp phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Tại phiên tòa ông C trình bày hợp đồng số 02/HĐKT/HP ngày 4 tháng 10 năm 2017 (sau đây viết tắt là hợp đồng số 02) ký kết giữa hai cá nhân vì không đóng dấu của hai Công ty nên là tranh chấp dân sự. Xét thấy, theo hợp đồng số 02 thì Công ty T người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Văn M ký kết hợp đồng với Công ty V người đại diện theo pháp luật là ông Đoàn Văn C. Quá trình giao nhận chân vịt đều thể hiện giao dịch giữa hai Công ty với nhau, các văn bản, giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn và bị đơn giao nộp cho Tòa án đều đóng dấu của hai Công ty. Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty V là người làm đơn kháng cáo. Vì vậy, mặc dù hợp đồng số 02 không đóng dấu Công ty T và Công ty V nhưng về bản chất các giao dịch đều do hai Công ty thực hiện, nên cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại là phù hợp khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều VI hợp đồng số 02 giữa Công ty T và Công ty V thỏa thuận " Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng…nếu không giải quyết được thì đưa ra Trọng tài kinh tế tỉnh Nam Định để giải quyết". Xét thấy, khi các bên ký hợp đồng số 02 thỏa thuận Trọng tài kinh tế tỉnh Nam Định giải quyết tranh chấp (nếu có), nhưng tại thời điểm đó trên địa bàn tỉnh Nam Định không còn tồn tại cơ quan Trọng tài kinh tế, nên việc thỏa thuận thẩm quyền giải quyết tranh chấp là không đúng quy định pháp luật. Mặt khác, tại Điều VI của hợp đồng số 02 quy định " Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, các bên

vẫn phải thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của hợp đồng này". Như vậy, khi phát sinh tranh chấp các bên cũng thỏa thuận Tòa án giải quyết, nên Công ty T khởi kiện Tòa án giải quyết tranh chấp là phù hợp với pháp luật. Công ty V là bị đơn có địa chỉ tại Tổ dân phố số 10, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án huyện Nam Trực thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Về quan hệ pháp luật: Công ty T ký hợp đồng số 02 với Công ty V về đúc hai chân vịt theo bản thiết kế được duyệt, sau khi đúc xong chân vịt thứ nhất, Công ty T đặt cọc chiếc chân vịt thứ 2 là 15.000.000đ. Khi Công ty T lắp chân vịt thứ hai vào tàu không chạy được và phát sinh tranh chấp. Căn cứ Điều 542, Điều 543 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 178, Điều 179 Luật thương mại, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng gia công.

[5] Về nội dung: Tại Điều 1 hợp đồng số 02 quy định " Bên B nhận đúc chân vịt theo bản thiết kế được duyệt với nội dung và kích thước như sau: Lắp máy Minsu công suất 822CV. Loại thiết kế: Sao duyệt thiết kế số TKT719. Năm sao duyệt 2015". Thực hiện hợp đồng Công ty V gia công xong chân vịt thứ nhất, Công ty T đã nhận và lắp chân vịt vào tàu thì tàu chạy tốt. Khi gia công chân vịt thứ 2, theo ông C trình bày ông M điện thoại thay đổi một số kích thước so với chân vịt thứ nhất, nhưng hai bên không lập biên bản. Xét thấy, ông C không xuất trình được tài liệu chứng, chứng minh hai bên thống nhất thay đổi một số kích thước chân vịt thứ 2. Ông M không chấp nhận có việc thay đổi kích thước chân vịt thứ hai. Do vậy, có căn cứ xác định ông C đúc chân vịt thứ hai không đúng với bản thiết kế.

[6] Tại phiên tòa, ông C trình bày ông M nhận chân vịt thứ hai, đã thanh toán xong nên ông không chịu trách nhiệm bồi thường. Căn cứ khoản 3 Điều 545 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định " Trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng mà bên đặt gia công đồng ý nhận sản phẩm và yêu cầu sửa chữa nhưng bên nhận gia công không thể sửa chữa được trong thời hạn thỏa thuận thì bên đặt gia công có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại". Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông C.

[7] Về thời gian sửa chữa chân vịt thứ hai: Theo văn bản lập ngày 01-12-2017 sau khi lắp chân vịt chạy thử, thì tàu không chạy được hai bên thống nhất sửa lại chân vịt, nhưng không thỏa thuận cụ thể thời gian sửa chữa, mà chỉ thống nhất chân vịt thứ hai chuyển sang xưởng vào chiều 28-11-2017. Theo ông M trình bày, ông C hẹn 4 ngày thì sửa xong nhưng ông C không nhận có việc hẹn sửa chân vịt trong 4 ngày. Như vậy, xác định các bên không thống nhất được với nhau cụ thể về thời gian sửa chữa chân vịt thứ 2.

[8] Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Công ty V và Công ty T đều có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng số 02 và xác định mức độ lỗi của bị đơn là 70% mức độ lỗi của nguyên đơn là 30%.

[9] Về thiệt hại: Sau khi, nhận chân vịt thứ 2 ông M lắp vào tàu hạ thủy phát hiện tàu không chạy được và vận chuyển sang Công ty V để sửa chữa. Xét đây là thiệt hại thực tế mà Công ty T phải chịu, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2

Điều 303 Luật thương mại, chấp nhận khoản tiền thiệt hại thực tế này như án sơ thẩm là có căn cứ.

[10] Về khoản tiền trả công lao động cho các thuyền viên trong thời gian tàu cá Thiên Thanh 02 không hoạt động thấy: Trạm biên phòng cửa khẩu cảng Hải Thịnh xác nhận tàu đánh cá Thiên Thanh 02 mang biển kiểm soát NĐ 95886TS không xuất bến từ ngày 28-11 đến ngày 29-12-2017. Như vậy, thực tế tàu đánh cá Thiên Thanh 02 không hoạt động trong khoảng thời gian là 30 ngày, căn cứ vào mức thu nhập bình quân lao động phổ thông tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm xác định mức lương đối với các thuyền viên đồng thời xác định mức trách nhiệm đối với thuyền trưởng là phù hợp nên được chấp nhận. Đến nay, chân vịt thứ 2 chưa sửa chữa, nên Công ty V phải thanh toán cho Công ty T trị giá 30.000.000đ. Tổng thiệt hại là 96.600.000đ. Do hai bên cùng có lỗi để xảy ra thiệt hại, nên phải bồi thường theo mức độ lỗi. Cụ thể Công ty V phải bồi thường cho Công ty T là 67.620.000đ.

[11] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực và không có căn cứ chấp kháng cáo của Công ty V.

[12] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty V không phải chịu án phí phúc thẩm.

[13] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty V phải nộp là 67.620.000đ x 5% = 3.381.000đ. Do Công ty T yêu cầu Công ty V phải bồi thường thiệt hại là 171.600.000đ nhưng chỉ được chấp nhận là 67.620.000đ, nên Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền không được chấp nhận là 103.980.000đ, án phí phải chịu là 103.980.000đ x 5% = 5.199.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, Điều 178; Điều 179; Điều 180; Điều 181; Điều 182; Điều 303 Luật thương mại; Điều 542, Điều 543 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực và không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần đúc luyện kim V. Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T .

2. Buộc Công ty cổ phần đúc luyện kim V phải thanh toán cho Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T là 67.620.000đ (sáu mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần đúc luyện kim V không phải nộp, hoàn lại cho Công ty cổ phần đúc luyện kim V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai số 0002084 ngày 12-9-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần đúc luyện kim V phải nộp là 3.381.000đ. (ba triệu ba trăm tám mốt ngàn đồng). Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T phải nộp là 5.199.000đ nhưng được trừ với số tiền tạm ứng án đã nộp là 4.290.000đ tại biên lai số 0001997 ngày 03-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Công ty cổ phần đánh cá và hậu cần nghề cá T còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 909.000đ (chín trăm linh chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Thu